



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Địa ốc Chợ Lớn

Ngày 30/09/2025	13,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.0%	-2.1%	-2.1%

DT thuần Q3/25
2.73
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.04 -42.7%
YoY: ▲ 0.12 4.6%

LN thuần Q3/25
0.09
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.83 -90.3%
YoY: ▼0.33 -78.7%

LN sau thuế Q3/25
0.08
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.48 -85.0%
YoY: ▼0.27 -76.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.3%
YoY: +/-▼ 20.7%

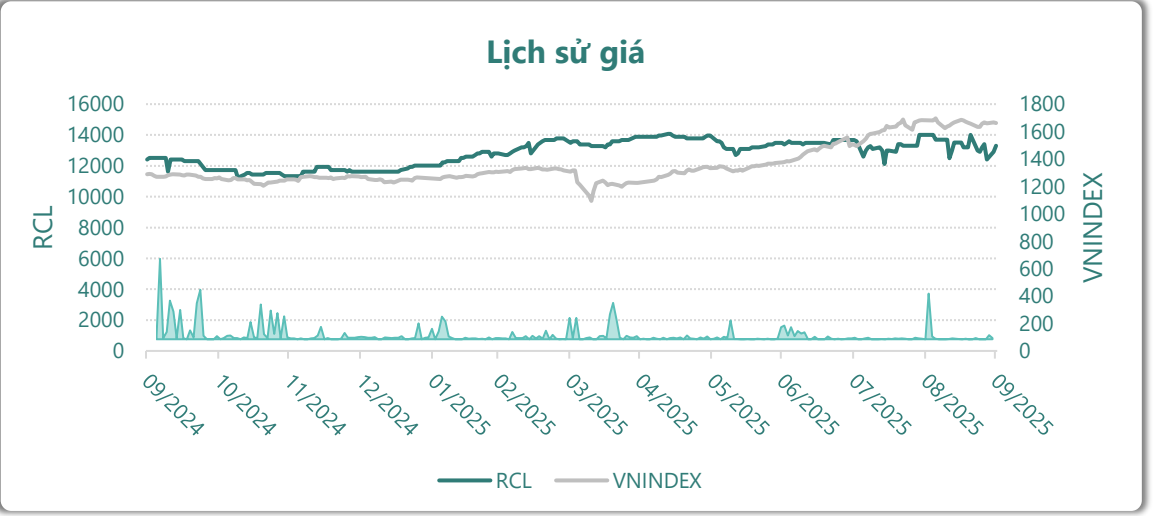
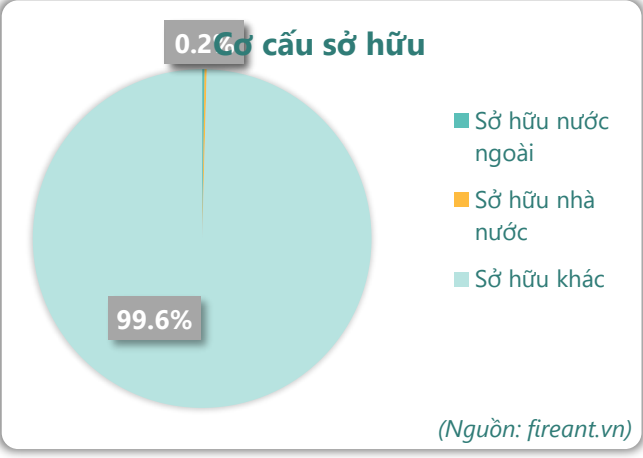
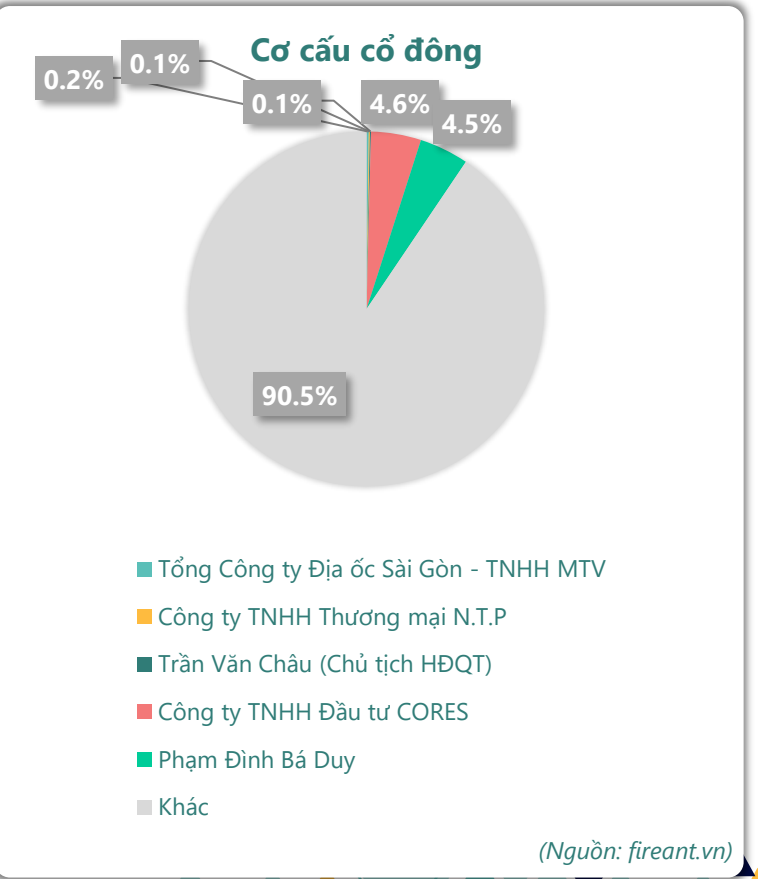
ROE (TTM) Q3/25
0.5%
YoY: +/-▼ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,239 - 14,073
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	188
Số lượng CPLH (CP)	14,135,751
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,715
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.07
EPS	111
P/E	120.1

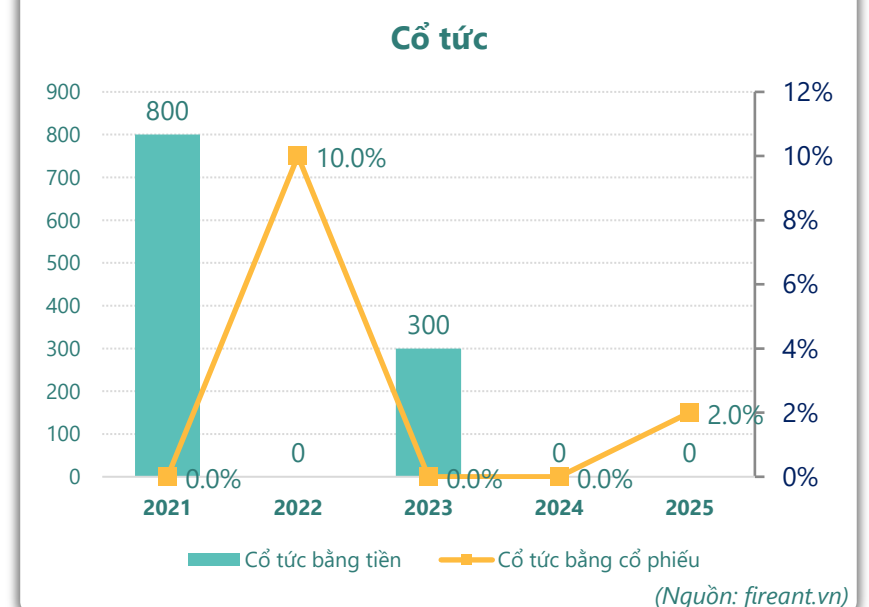
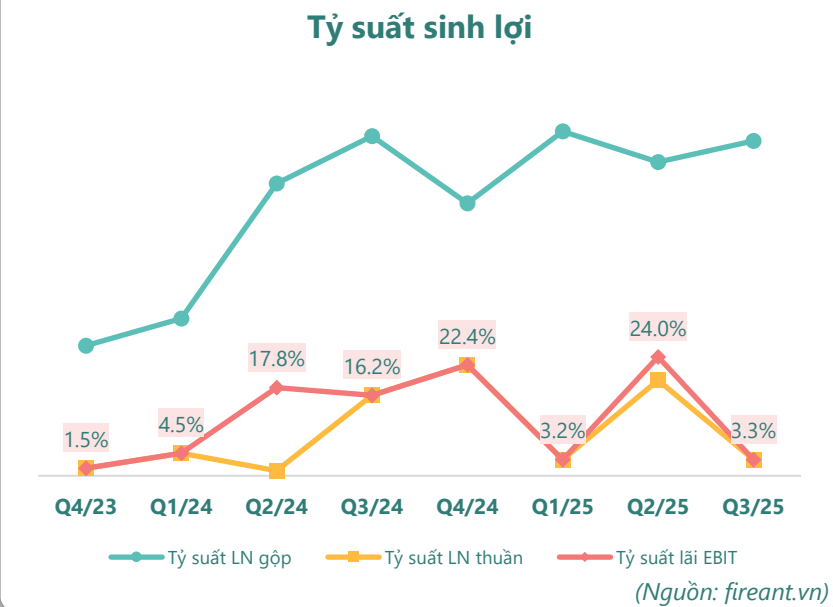
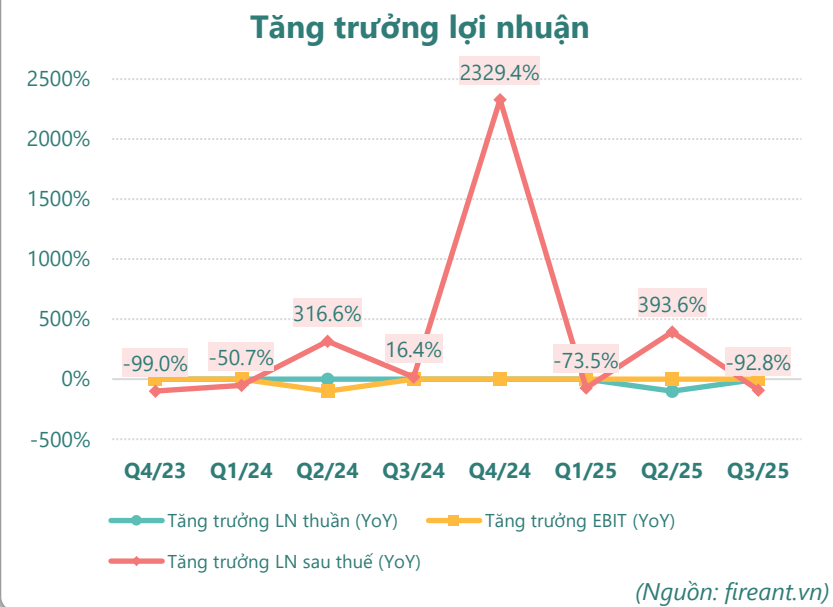
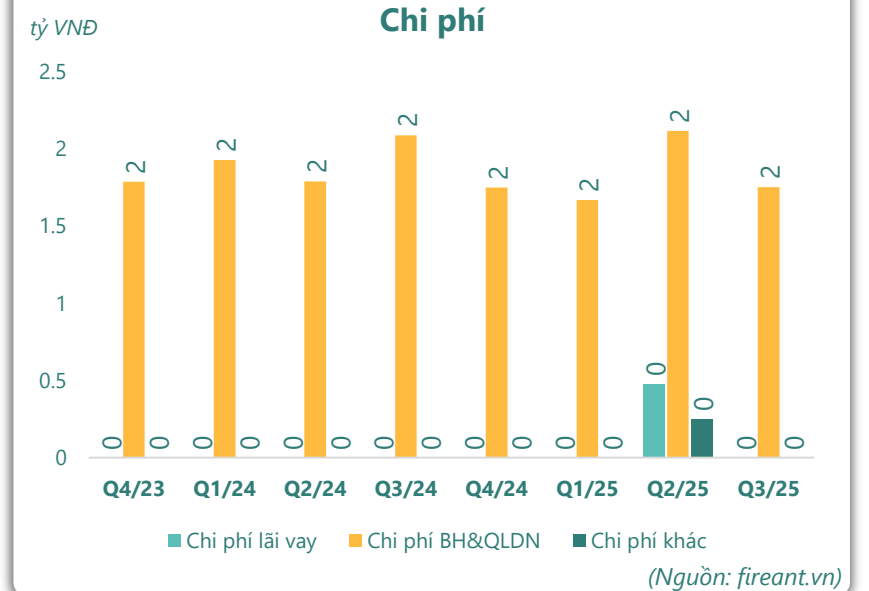
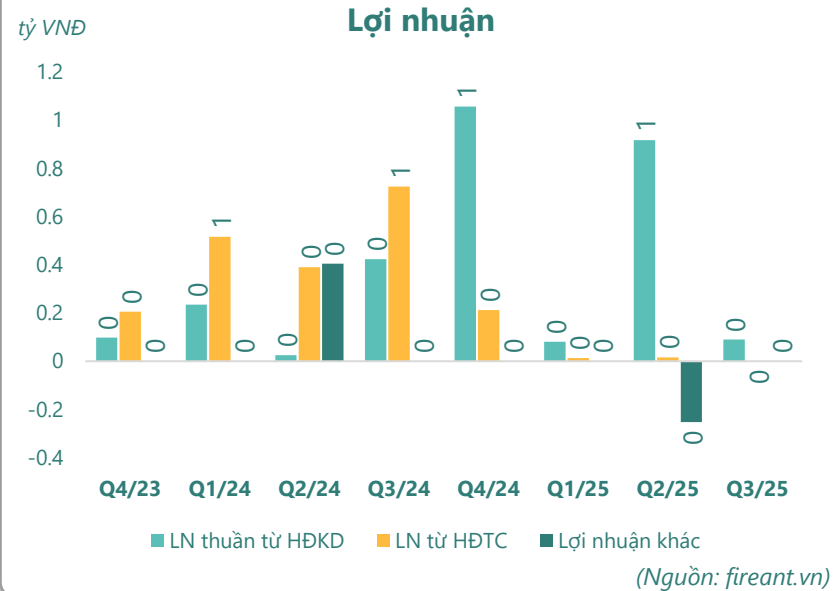
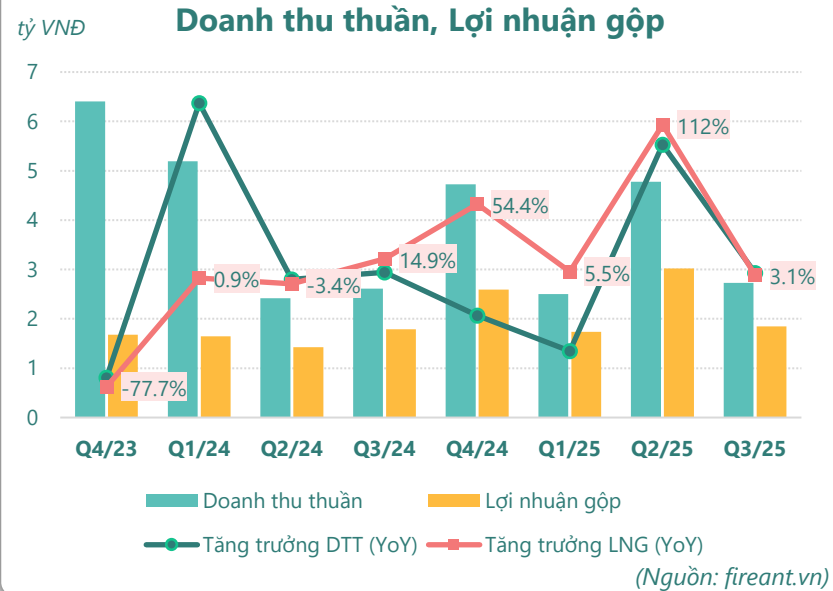
DT thuần 9T 2025
10.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.20 -2.1%

LN thuần 9T 2025
1.09
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.41 59.2%

LN sau thuế 9T 2025
0.71
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.22 -23.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH

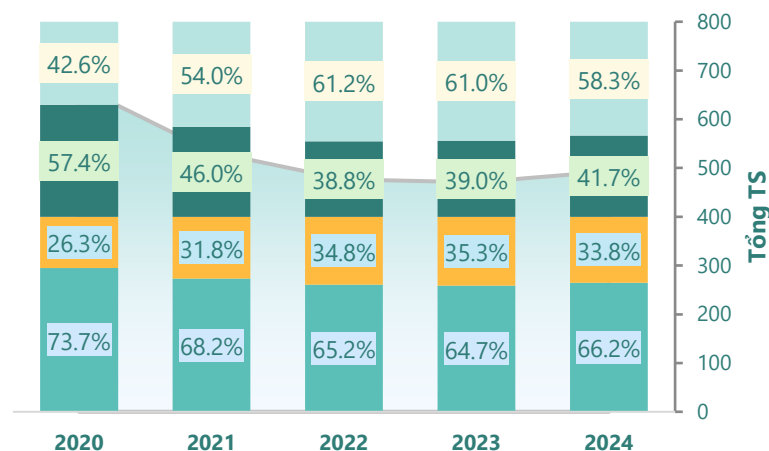




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

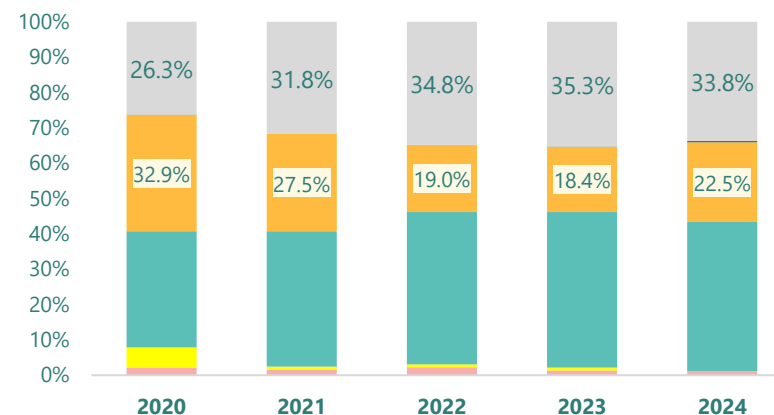
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

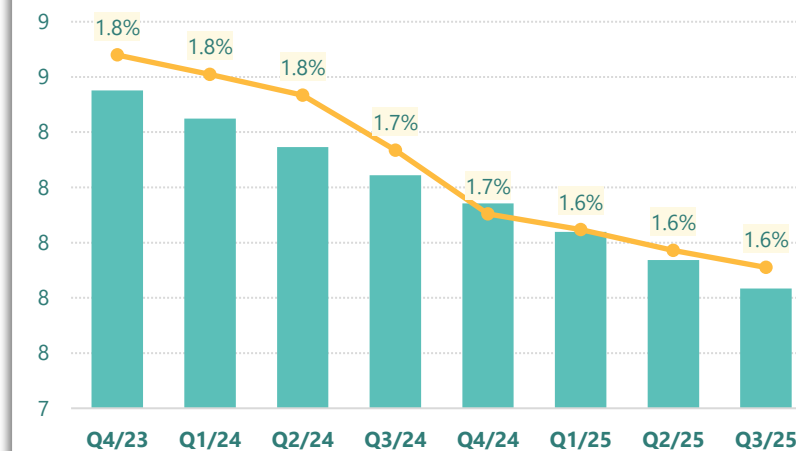


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSN khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

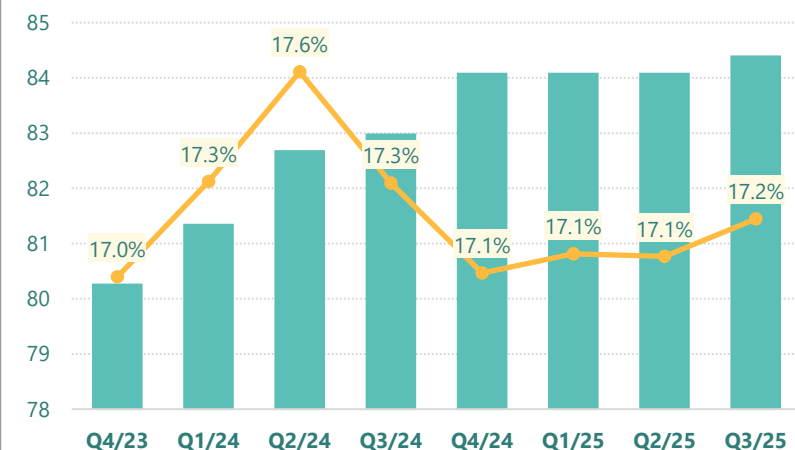


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

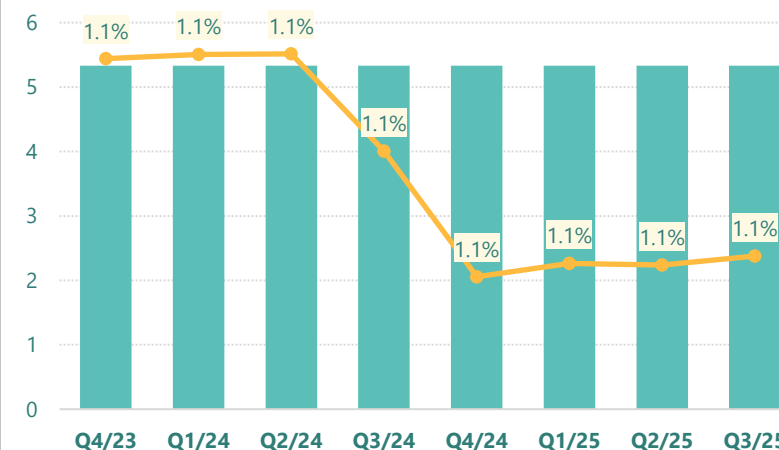


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

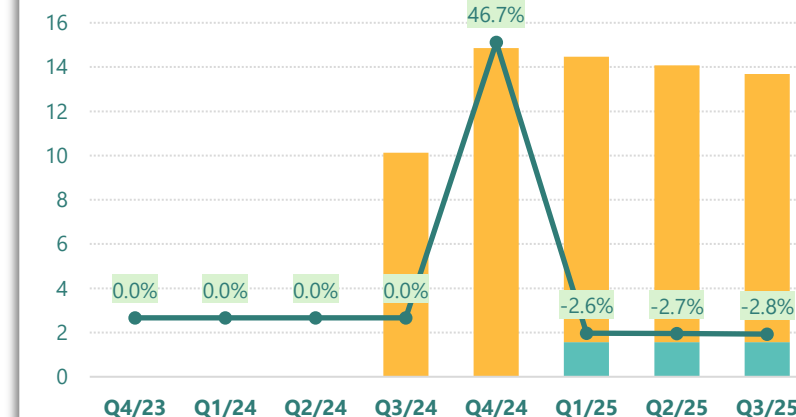


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



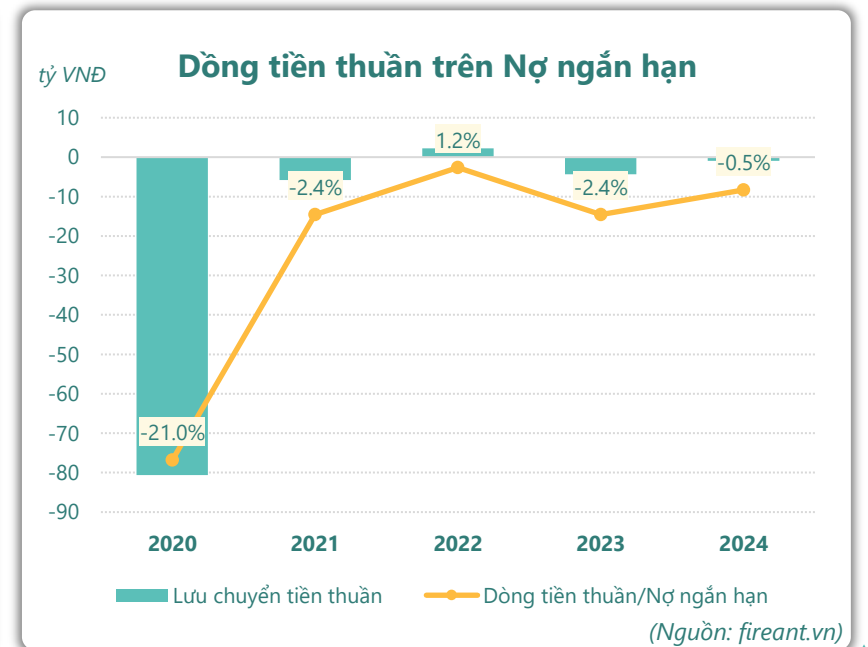
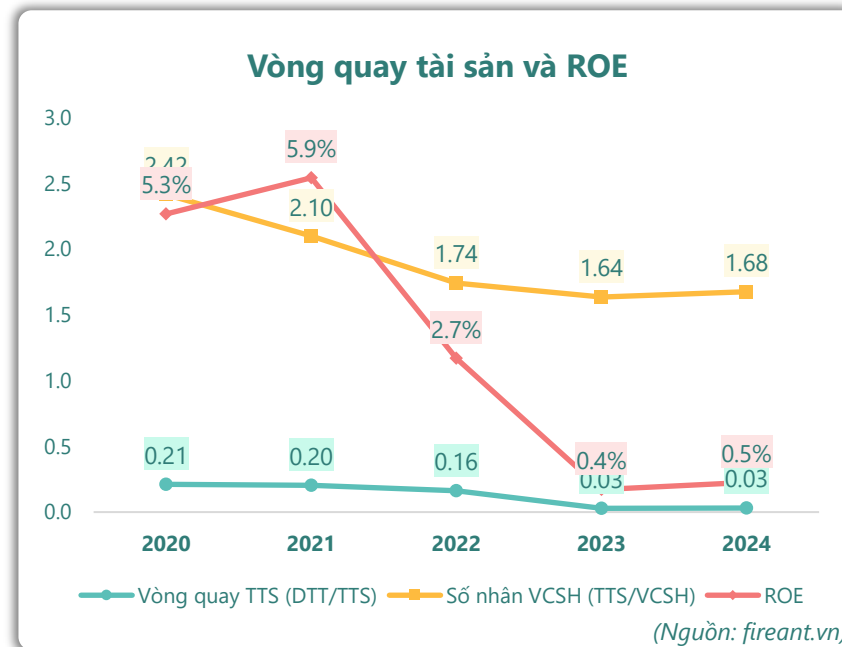
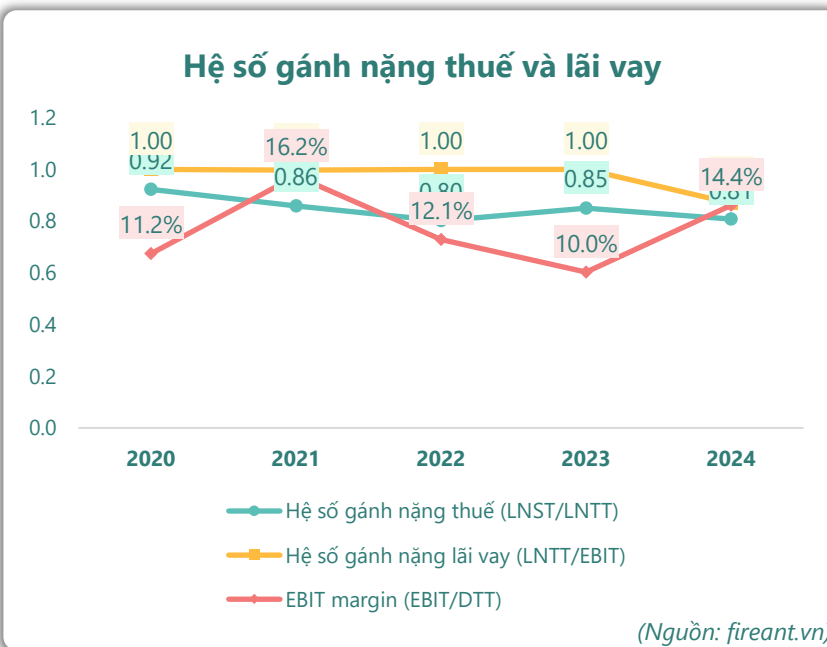
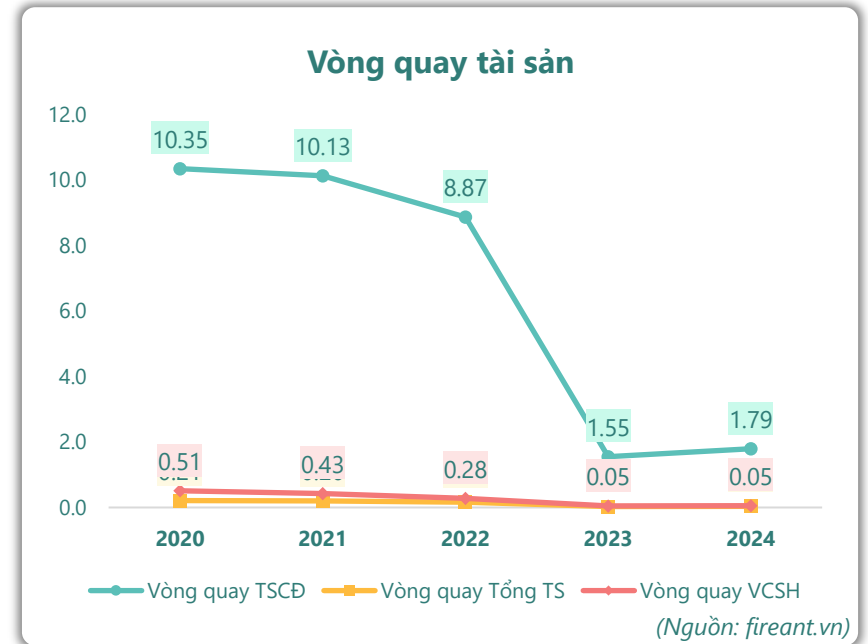
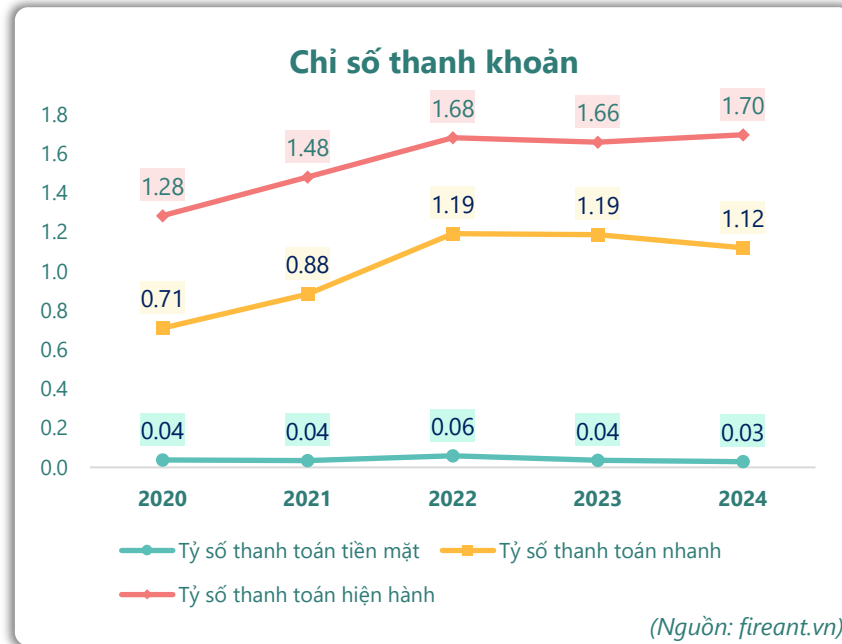
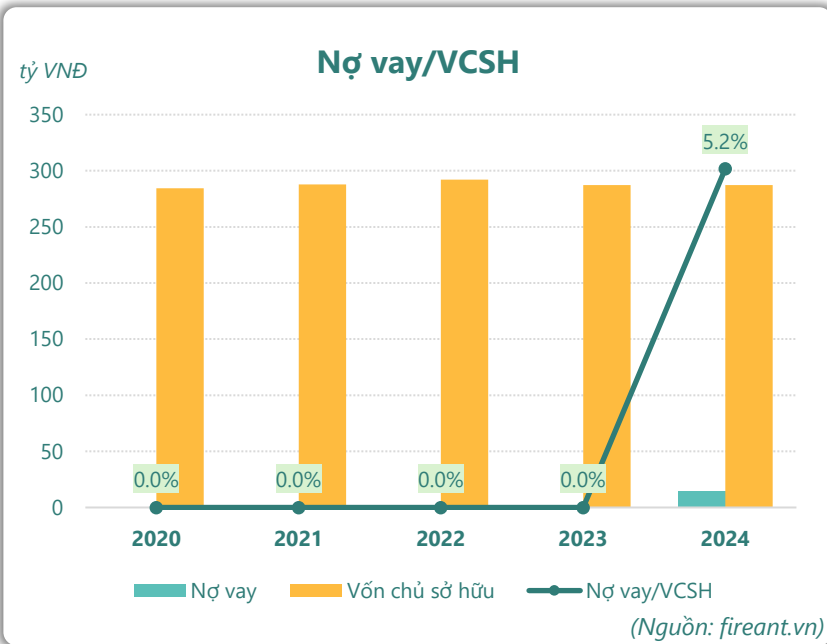
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2.73	2.61	4.6%	10.0	10.2	-2.1%
Giá vốn hàng bán	0.89	0.82	8.1%	3.40	5.36	-36.5%
Lợi nhuận gộp	1.84	1.79	3.0%	6.60	4.86	35.8%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.80	-98.1%	0.52	1.53	-65.7%
Chi phí TC	0.02	0.08	-80.2%	0.49	-0.11	571%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.48	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.75	2.09	-16.1%	5.54	5.81	-4.6%
LN thuần từ HĐKD	0.09	0.42	-78.7%	1.09	0.68	59.2%
Lợi nhuận khác	0	0.00		-0.25	0.41	-162%
LN trước thuế	0.09	0.42	-78.7%	0.84	1.09	-23.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.08	0.35	-76.0%	0.71	0.93	-23.9%
LNST của CĐ cty mẹ	0.08	0.35	-76.0%	0.71	0.93	-23.9%

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.47	-10.5	-6.34	-0.62	0.01	1.17
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	0.47	0.14	0.01	0.01	0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	10.1	4.73	-0.39	-0.39	-0.39
Tiền đầu kỳ	7.37	6.96	7.06	5.59	4.59	4.22
Lưu chuyển tiền thuần	-0.42	0.10	-1.47	-1.00	-0.36	1.27
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.96	7.06	5.59	4.59	4.22	5.50

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	491	493	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	327	326	0.1%
Tiền và tương đương tiền	5.50	5.59	-1.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.23	0	
Phải thu ngắn hạn	209	208	0.3%
Hàng tồn kho	111	111	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.36	1.82	-25.0%
Tài sản dài hạn	164	166	-1.3%
Phải thu dài hạn	27.2	27.2	0.0%
Tài sản cố định	7.83	8.14	-3.8%
Bất động sản đầu tư	39.5	41.7	-5.3%
Tài sản dở dang	84.4	84.1	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.33	5.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	205	206	-0.5%
Nợ ngắn hạn	193	192	0.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.56	1.56	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.0	10.1	-0.9%
Nợ dài hạn	12.1	13.3	-8.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.1	13.3	-8.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	286	287	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	286	287	-0.3%
Vốn điều lệ	141	139	2.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

